

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 06 năm 2011

	Mã Số	Thuyết minh	Kỳ ba tháng kết thúc ngày 30/6/2011 VND	Kỳ ba tháng kết thúc ngày 30/6/2010 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2011 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2010 VND
Tổng doanh thu	01	21	587.945.285.785	451.322.068.107	1.170.256.864.979	865.693.374.580
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	21	(4.178.250.971)	(1.949.082.103)	(7.178.029.041)	(10.877.929.220)
Doanh thu thuần	10	21	583.767.034.814	449.372.986.004	1.163.078.835.938	854.815.445.360
Giá vốn hàng bán	11	22	(297.982.570.181)	(224.599.087.311)	(599.432.039.423)	(435.988.822.375)
Lợi nhuận gộp	20		285.784.464.633	224.773.898.693	563.646.796.515	418.826.622.985
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	14.128.577.291	13.017.853.455	26.743.473.775	20.301.850.870
Chi phí tài chính	22	24	(1.668.520.213)	(433.518.701)	(3.062.915.164)	(1.726.568.293)
Lãi tiền vay	23		(1.687.336.977)	137.304.231	(2.010.709.744)	(1.035.496.985)
Chi phí bán hàng	24	25	(118.600.778.815)	(88.036.091.225)	(264.043.813.542)	(182.152.408.240)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	26	(42.633.721.667)	(38.398.862.367)	(84.597.843.826)	(62.795.593.137)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		137.010.021.229	110.923.279.855	238.685.697.758	192.453.904.185
Kết quả từ các hoạt động khác	40					
Thu nhập khác	31	27	1.281.603.063	515.557.401	2.268.906.610	2.237.273.344
Chi phí khác	32	28	(1.567.666.450)	(1.208.144.151)	(2.678.562.992)	(2.259.479.995)
			0			
Lãi/Lỗ từ công ty liên kết	30	10	1.164.307.044	(2.697.366.615)	864.307.044	(2.668.394.601)
Lợi nhuận trước thuế	50		137.888.264.886	107.533.326.490	239.140.348.420	189.763.302.933

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 06 năm 2011 (tiếp theo)

	Mã Số	Thuyết minh	Kỳ ba tháng kết thúc ngày		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2011 VND	30/6/2010 VND	30/6/2011 VND	30/6/2010 VND
Lợi nhuận trước thuế	50		137.888.264.886	107.533.326.490	239.140.348.420	189.763.302.933
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	29	(16.717.339.209)	(13.118.857.490)	(30.191.211.627)	(22.576.129.282)
Lợi ích/(chi phí) thuế thu nhập hoãn lại	52	29	(292.355.509)	(25.215.004)	61.650.850	(4.580.951)
Lợi nhuận thuần	60		<u>120.878.570.168</u>	<u>94.389.253.996</u>	<u>209.010.787.643</u>	<u>167.182.592.700</u>
Phân bổ cho:						
Cổ đông thiểu số	61	20	537.870.709	1.003.611.876	911.685.086	1.428.624.680
Chủ sở hữu của Công ty	62		<u>120.340.699.459</u>	<u>93.385.642.120</u>	<u>208.099.102.557</u>	<u>165.753.968.020</u>
Lợi nhuận thuần	60		<u>120.878.570.168</u>	<u>94.389.253.996</u>	<u>209.010.787.643</u>	<u>167.182.592.700</u>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	<u>4.463</u>	<u>3.504</u>	<u>7.718</u>	<u>6.219</u>

Người lập:

Đặng Phạm Huyền Nhung
 Kế toán trưởng



Người duyệt:

Lê Chánh Đạo
 Phó Tổng Giám đốc

ngày 25 tháng 7 năm 2011

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này